TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ - ST
Ngày 26/9/2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nông Trung Kiên
Bà Nguyễn Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Thu Ng. Sinh năm 1997.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn H. Sinh năm 1996
Nơi cư trú: Bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị Thu Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Thu Ng và anh Lò Văn H kết hôn với nhau vào ngày 20/4/2020, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Ng và anh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H không dành thời gian quan tâm đến

gia đình, thường xuyên cờ bạc. Chị Ng đã nhiều lần bỏ qua và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Ng nhận thấy tình cảm của chị với anh H không còn, có níu kéo thêm cũng không có hạnh phúc. Chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để sớm ổn định tâm lý, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Ng khai, chị và anh H không có con chung.

Về tài sản: Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị Ng khai không có.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị Ng cho anh H biết để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh H không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành H giải được.

Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung đơn khởi kiện, xin được ly hôn với anh Lò Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lò Thị Thu Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn H. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Anh H có hộ khẩu thường trú tại Bản Noong Vai, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị Thu Ng và anh Lò Văn H kết hôn ngày 20/4/2020, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Ng và anh H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định

của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Ng khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị Ng cho anh H biết để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh H không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. thể hiện anh H không có thiện trí hoà giải. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của chính quyền địa phương do chị Ng cung cấp có thể hiện, anh chị chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình H giải nhưng không thành, hiện tại anh chị đang sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh H là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Ng.

[2.2]. Về con chung: Chị Ng và anh H không có con chung

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, đất ruộng: Chị Ng khai không có.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Thu Ng được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Chị Ng và anh H không có con chung.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí:

Chị Lò Thị Thu Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005269 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lò Thị Thu Ng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2023). Anh Lò Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Dương